



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BĐS PHÁT ĐẠT

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Và

Các báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2020

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7- 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 33

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1

11 tháng 12 năm 2004

Điều chỉnh lần 2

16 tháng 11 năm 2005

Điều chỉnh lần 3

11 tháng 07 năm 2006

Điều chỉnh lần 4

19 tháng 12 năm 2006

Điều chỉnh lần 5

23 tháng 04 năm 2007

Điều chỉnh lần 6

24 tháng 05 năm 2007

Điều chỉnh lần 7

29 tháng 11 năm 2007

Điều chỉnh lần 8

23 tháng 01 năm 2008

Điều chỉnh lần 9

29 tháng 02 năm 2008

Điều chỉnh lần 10

29 tháng 06 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11

27 tháng 08 năm 2009

Điều chỉnh lần 12

04 tháng 12 năm 2009

Điều chỉnh lần 13

04 tháng 05 năm 2010

Điều chỉnh lần 14

13 tháng 09 năm 2010

Điều chỉnh lần 15

22 tháng 10 năm 2010

Điều chỉnh lần 16

03 tháng 11 năm 2010

Điều chỉnh lần 17

28 tháng 01 năm 2011

Điều chỉnh lần 18

11 tháng 08 năm 2011

Điều chỉnh lần 19

22 tháng 09 năm 2011

Điều chỉnh lần 20

16 tháng 05 năm 2012

Điều chỉnh lần 21

15 tháng 08 năm 2012

Điều chỉnh lần 22

04 tháng 09 năm 2015

Điều chỉnh lần 23

01 tháng 10 năm 2015

Điều chỉnh lần 24

07 tháng 06 năm 2017

Điều chỉnh lần 25

05 tháng 06 năm 2018

Điều chỉnh lần 26

14 tháng 05 năm 2019

Điều chỉnh lần 27

07 tháng 05 năm 2020

Điều chỉnh lần 28

03 tháng 07 năm 2020

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại tầng 8 và 9 tháp B, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt

Chủ tịch

Ông Nguyễn Tấn Danh

Phó Chủ tịch

Bà Trần Thị Hương

Phó Chủ tịch

Ông Đoàn Viết Đại Từ

Thành viên

Ông Lê Quang Phúc

Thành viên

Ông Khương Văn Mươi

Thành viên

Ông Trần Trọng Gia Vinh

Thành viên

Ông Lê Minh Dũng

Thành viên

Ông Bùi Quang Anh Vũ

Thành viên – Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2020

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2019 ngày 30 tháng 3 năm 2019, Công ty đã thành lập Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và miễn nhiệm Ban Kiểm soát.

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Trưởng ban
Ông Võ Hoàng Tú	Thành viên
Ông Tô Minh Tài	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020
Ông Phạm Trọng Hòa	Phó Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo Quý II - 2020 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc – Từ ngày 7 tháng 5 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho Quý II - 2020 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng Quý II - 2020 này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho Quý II - 2020 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ II - 2020
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.911.049.371.160	8.929.689.729.770
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	299.741.110.916	98.850.988.705
111	1. Tiền		62.483.110.916	98.850.988.705
112	2. Tương đương tiền		237.258.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.528.447.908.808	1.427.163.479.643
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	567.162.149.393	797.797.508.301
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	695.419.854.212	493.875.382.677
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	266.907.449.578	138.599.074.691
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.041.544.375)	(3.108.486.026)
140	III. Hàng tồn kho	8	7.080.079.547.046	7.398.496.831.610
141	1. Hàng tồn kho		7.080.079.547.046	7.398.496.831.610
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.780.804.390	5.178.429.812
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.507.739.974	2.535.665.201
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	273.064.416	2.642.764.611
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.332.155.818.897	4.429.211.271.936
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.374.953.926.093	1.846.691.893.367
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	110.000.000.000	100.000.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	2.264.953.926.093	1.746.691.893.367
220	II. Tài sản cố định		15.727.717.193	17.573.105.541
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.091.546.471	16.528.118.651
222	Nguyên giá		27.934.237.927	27.710.898.627
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.842.691.456)	(11.182.779.976)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	636.170.722	1.044.986.890
228	Nguyên giá		3.171.378.036	3.171.378.036
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.535.207.314)	(2.126.391.146)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	70.159.843.712	70.927.903.232
231	1. Nguyên giá		75.664.270.272	75.664.270.272
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.504.426.560)	(4.736.367.040)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		472.101.263.407	63.126.890.181
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	472.101.263.407	63.126.890.181
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		1.406.228.840.000	1.399.996.300.600
251	1. Đầu tư vào công ty con	14	1.401.891.840.000	1.397.304.300.600
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15	4.337.000.000	2.692.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		992.984.228.492	1.030.895.179.015
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	992.867.450.193	1.030.895.179.015
262	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		116.778.299	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.243.205.190.057	13.358.901.001.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.079.607.921.917	9.062.167.168.739
310	I. Nợ ngắn hạn		4.037.105.959.299	2.542.466.021.385
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	220.375.928.828	259.536.407.271
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.566.153.128.141	651.149.337.644
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	293.150.588.478	178.395.781.258
314	4. Phải trả người lao động		7.175.450.795	4.324.040.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	77.357.700.537	145.704.680.565
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	140.307.982.817	95.164.794.124
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	1.717.898.375.402	1.201.598.912.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.686.804.301	6.592.068.523
330	II. Nợ dài hạn		6.042.501.962.618	6.519.701.147.354
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	5.547.433.656.616	5.549.400.552.616
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	495.068.306.002	970.300.594.738
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.163.597.268.140	4.296.733.832.967
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	4.163.597.268.140	4.296.733.832.967
411	1. Vốn cổ phần		3.702.528.870.000	3.276.579.720.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.680.300.000	11.680.300.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		155.013.584.076	137.513.584.076
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		294.374.514.064	870.960.228.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		18.539.684.929	8.765.195.277
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		275.834.829.135	862.195.033.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.243.205.190.057	13.358.901.001.706

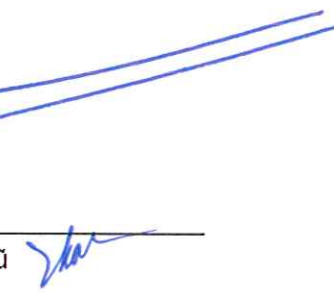


Võ Thị Minh Hằng
Người lập



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng




Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ II - 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II - Năm nay	Quý II - Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý II - Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý II - Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	552.372.229.355	263.344.344.320	1.181.610.291.422	1.968.234.076.138
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(339.112.942.603)	(102.708.659.675)	(719.280.837.133)	(1.578.986.029.010)
20	3. Lợi nhuận gộp		213.259.286.752	160.635.684.645	462.329.454.289	389.248.047.128
21	4. Doanh thu tài chính	25	795.367.814	2.347.215.626	1.039.473.316	3.240.342.606
22	5. Chi phí tài chính	25	(6.691.519.754)	-	(6.691.519.754)	(413.595)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
24	6. Chi phí bán hàng	26	(26.210.960.292)	(24.245.043.193)	(54.185.135.654)	(39.967.793.385)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(28.690.671.287)	(21.760.160.248)	(51.642.662.205)	(42.462.243.929)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		152.461.503.233	116.977.696.830	350.849.609.992	310.057.938.825
31	9. Thu nhập khác	27	100.265	492.596.149	19.085.635	629.695.690
32	10. Chi phí khác	27	(644.208.892)	(611.897.276)	(1.058.979.765)	(2.380.043.728)
40	11. Lợi nhuận khác		(644.108.627)	(119.301.127)	(1.039.894.130)	(1.750.348.038)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		151.817.394.606	116.858.395.703	349.809.715.862	308.307.590.787
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(30.860.994.515)	(28.615.416.780)	(70.702.578.807)	(66.499.243.860)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		116.778.299	-	116.778.299	(444.203.896)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế		121.073.178.390	88.242.978.923	279.223.915.354	241.364.143.031
70	16. Lãi trên cổ phiếu		276	250	700	676



Võ Thị Minh Hằng
Người lập



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ II - 2020
ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II - Năm nay	Quý II - Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		151.817.394.606	116.858.395.703
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	1.894.044.655	1.536.849.599
03	Trích lập dự phòng		-	-
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(795.367.814)	(2.347.215.626)
06	Chi phí lãi vay		-	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.916.071.447	116.048.029.676
09	Tăng các khoản phải thu		(60.946.644.235)	(591.436.905.692)
10	Tăng hàng tồn kho		(142.579.043.755)	(885.923.226.889)
11	Tăng các khoản phải trả		894.467.854.830	348.712.496.876
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		18.216.378.430	(3.534.019.831)
14	Tiền lãi vay đã trả		(143.064.457.997)	(5.742.743.823)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(42.648.134.766)	(30.533.046.130)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.657.184.155)	(10.995.521.954)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		671.704.839.799	(1.063.404.937.767)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(460.905.879.194)	(3.829.346.429)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
26	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.917.539.400)	(732.888.513)
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
29	Lãi tiền gửi nhận được		795.367.814	2.347.215.626
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(465.028.050.780)	(2.215.019.316)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	Tiền thu từ đi vay		551.200.000.000	1.304.989.614.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(497.205.432.588)	(60.031.989.904)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		444.886.800	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		54.439.454.212	1.244.957.624.096

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II - Năm nay	Quý II - Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		261.116.243.231	179.337.667.013
60	Tiền đầu kỳ		38.624.867.685	18.741.597.690
70	Tiền cuối kỳ	4	299.741.110.916	198.079.264.703



Võ Thị Minh Hằng
Người lập

Ngày 20 tháng 7 năm 2020



Vũ Quỳnh Hoa
Kế toán trưởng



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1	11 tháng 12 năm 2004
Điều chỉnh lần 2	16 tháng 11 năm 2005
Điều chỉnh lần 3	11 tháng 07 năm 2006
Điều chỉnh lần 4	19 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần 5	23 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 6	24 tháng 05 năm 2007
Điều chỉnh lần 7	29 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần 8	23 tháng 01 năm 2008
Điều chỉnh lần 9	29 tháng 02 năm 2008
Điều chỉnh lần 10	29 tháng 06 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11	27 tháng 08 năm 2009
Điều chỉnh lần 12	04 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần 13	04 tháng 05 năm 2010
Điều chỉnh lần 14	13 tháng 09 năm 2010
Điều chỉnh lần 15	22 tháng 10 năm 2010
Điều chỉnh lần 16	03 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần 17	28 tháng 01 năm 2011
Điều chỉnh lần 18	11 tháng 08 năm 2011
Điều chỉnh lần 19	22 tháng 09 năm 2011
Điều chỉnh lần 20	16 tháng 05 năm 2012
Điều chỉnh lần 21	15 tháng 08 năm 2012
Điều chỉnh lần 22	04 tháng 09 năm 2015
Điều chỉnh lần 23	01 tháng 10 năm 2015
Điều chỉnh lần 24	07 tháng 06 năm 2017
Điều chỉnh lần 25	05 tháng 06 năm 2018
Điều chỉnh lần 26	14 tháng 05 năm 2019
Điều chỉnh lần 27	07 tháng 05 năm 2020
Điều chỉnh lần 28	03 tháng 07 năm 2020

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại tầng 8 và 9 tháp B, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; và cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 226 (ngày 31 tháng 12 năm 2019:186).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và có thời hạn;
- Chi phí xây dựng; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán và kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán và kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Hao mòn

Hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính hao mòn khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con phát sinh sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc bàn giao căn hộ hoặc khi quá hạn 07 ngày kể từ ngày Thông báo bàn giao căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng hoặc khi quá hạn 07 ngày kể từ ngày Thông báo bàn giao lô đất.

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền	62.483.110.916	98.850.988.705
Tiền mặt	31.632.395	136.492.947
Tiền gửi ngân hàng	62.451.478.521	98.714.495.758
Tương đương tiền	237.258.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng	237.258.000.000	-
TỔNG CỘNG	299.741.110.916	98.850.988.705

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	567.162.149.393	797.797.508.301
Công ty CP ĐT TMDV AKYN	63.888.000.000	63.832.357.744
Công ty CP DV Quản lý Toàn Tâm	20.897.202.000	21.228.032.000
Công ty CP Đầu Tư Danh Khôi Holdings	-	157.852.595.000
Công ty CP Đầu Tư BĐS Thiên Minh	294.738.890.572	344.738.890.572
Công ty CP KD Bất Động Sản Minh Hoàng	16.602.528.970	26.602.528.970
Đoàn Thị Tráng	15.000.000.000	15.000.000.000
Phạm Thanh Điền	31.000.000.000	31.000.000.000
Khách hàng khác	125.035.527.851	137.543.104.015
Dài hạn	110.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP ĐT TMDV AKYN	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP KD Bất Động Sản Minh Hoàng	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	677.162.149.393	897.797.508.301
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.041.544.375)	(3.108.486.026)
GIÁ TRỊ THUẦN	676.120.605.018	894.689.022.275

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	695.419.854.212	493.875.382.677
Tổng Công ty Cổ phần Đền bù Giải tỏa	178.564.132.407	178.099.623.590
Cty TNHH XD -TM - DV Toàn Thuận Phát	51.536.485.907	55.447.431.870
Công ty Cổ Phần Đức Khải	70.228.366.367	70.228.366.367
Cty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng 620	65.972.727.000	102.272.727.000
Nguyễn Thị Mỹ Duyên	54.000.000.000	54.000.000.000
Phạm Thanh Điền	180.000.000.000	-
Khác	95.118.142.531	33.827.233.850
Dài hạn	-	-
TỔNG CỘNG	695.419.854.212	493.875.382.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	266.907.449.578	138.599.074.691
Công ty CP TM VTB Trường Phát Lộc (Thuyết minh 29) (i)	50.000.000.000	75.000.000.000
Công ty CP ĐT TMDV AKYN (ii)	10.000.000.000	-
Công ty CP KD BĐS Minh Hoàng (iii)	179.060.000.000	17.660.000.000
Ký cược ký quỹ	6.780.360.000	6.372.484.000
Khác	21.067.089.578	39.566.590.691
Dài hạn	2.264.953.926.093	1.746.691.893.367
Công ty CP TM VTB Trường Phát Lộc (Thuyết minh 29) (i)	151.400.000.000	126.400.000.000
Công ty CP ĐT TMDV AKYN (ii)	90.939.751.900	100.939.751.900
Công ty CP KD BĐS Minh Hoàng (iii)	200.000.000.000	361.400.000.000
Công ty CP Đoàn ánh Dương Phú Quốc (iv)	416.000.000.000	416.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Tam Bình (v)	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Tân Hoàng (v)	223.000.000.000	223.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư XD HTKT Coinin	36.880.748.812	19.676.748.812
Công ty CP ĐK Phú Quốc	39.463.900.000	39.443.900.000
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn-KL	894.765.000.000	259.690.000.000
Phải thu khác	12.504.525.381	141.492.655
TỔNG CỘNG	2.531.861.375.671	1.885.290.968.058

- (i) Vào ngày 10 tháng 11 năm 2015, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư ("BCC") có thời hạn 3 năm với Công ty Cổ phần Vận tải biển Trường Phát Lộc ("Trường Phát Lộc") liên quan đến việc phát triển dự án tọa lạc tại địa chỉ 132 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo BCC, Công ty đã góp vốn với số tiền là 126.400.000.000 VND và sẽ nhận được phần lãi thực tế phát sinh từ dự án.
- Vào ngày 30 tháng 8 năm 2018, hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo đó, Công ty sẽ thu lại phần vốn góp và hưởng lợi nhuận được chia với số tiền là 125.000.000.000 VND.
- Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nhận 50.000.000.000 VND lợi nhuận được chia, còn phải thu 126.400.000.000 VND vốn góp và 75.000.000.000 VND lợi nhuận được chia.
- (ii) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư ("BCC") và phụ lục có thời hạn 3 năm với Công ty CP Đầu Tư TM DV AKYN liên quan đến việc phát triển dự án tọa lạc tại địa chỉ 239 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo BCC, Công ty đã góp vốn với số tiền 100.939.751.900 VND.
- Vào ngày 25 tháng 12 năm 2017, hai bên đã thanh lý Hợp đồng trước thời hạn. Theo đó, Công ty giao toàn quyền phát triển dự án 239 Cách Mạng Tháng 8 cho Công ty AKYN và đã thu xong phần lãi thỏa thuận là 180.000.000.000 VND.
- Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải thu 100.939.751.900 VND vốn góp.
- (iii) Vào ngày 8 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") với Công ty CP KD BĐS Minh Hoàng liên quan đến việc khai thác kinh doanh sản phẩm thương mại và văn phòng của dự án Millennium tọa lạc tại số 132 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo BCC, Công ty đã thực hiện góp vốn với số tiền 500.000.000.000 VND và sẽ nhận được phần lợi nhuận thực tế phát sinh từ việc kinh doanh nêu trên.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nhận 47.340.000.000 VND lợi nhuận được chia, còn phải thu 361.400.000.000 VND vốn góp và 17.660.000.000 VND lợi nhuận được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (iv) Vào ngày 18 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Hợp đồng hợp tác đầu tư (“HĐHTĐT”) với Công ty Cổ phần Đoàn Ánh Dương Phú Quốc liên quan đến việc xây dựng, khai thác và kinh doanh dự án Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu tọa lạc tại xã Cửa Cạn, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang với tổng giá trị là 1.727.000.000.000 VND và sẽ nhận được lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh dự án theo tỷ lệ vốn tham gia.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty đã góp vốn số tiền là 476.000.000.000 VND.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thu hồi 60.000.000.000 VND, vốn góp theo HĐHTĐT là 416.000.000.000 VND.

- (v) Vào ngày 12 tháng 07 năm 2017, Công ty ký Hợp đồng hợp tác đầu tư (“HĐHTĐT”) số 01/2017/HĐHTĐT/PĐ-TB-TH với Công ty Cổ phần Địa ốc Tam Bình (“Tam Bình”) và Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Hoàng (“Tân Hoàng”) liên quan đến việc đầu tư xây dựng cụm cảng trung chuyển ICD mới tại Phường Long Bình, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đã thực hiện góp vốn vào Tam Bình số tiền là 200.000.000.000 VND, góp vốn vào Tân Hoàng số tiền là 223.000.000.000 VND và sẽ nhận được quỹ đất sau khi thực hiện xong dự án theo tỷ lệ số tiền đã góp vốn đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải thu 443.000.000.000 VND vốn góp.

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bất động sản (*)	7.078.191.613.381	7.396.915.267.441
Hàng hóa	1.887.933.665	1.581.564.169
TỔNG CỘNG	7.080.079.547.046	7.398.496.831.610

- (*) Bất động sản là giá trị quỹ đất đã được bồi thường, tiền sử dụng đất đã nộp cho nhà nước, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dự án The EverRich 2 (River City) (i)	3.597.766.841.597	3.597.766.841.597
Dự án The EverRich 3 (ii)	875.860.325.018	875.636.079.563
Dự án KhuĐT DL Sinh Thái Nhơn Hội (iii)	2.380.210.567.614	2.791.168.413.614
Dự án Phát Đạt Bàu Cả (iv)	39.758.250.893	37.603.106.026
Dự án Trung tâm TDTT PĐP (v)	75.414.964.974	75.134.195.647
Dự án khác	109.180.663.285	19.606.630.994
TỔNG CỘNG	7.078.191.613.381	7.396.915.267.441

Chi tiết các dự án bất động sản đang triển khai như sau:

- (i) Dự án The EverRich 2

Dự án này tọa lạc tại số 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ báo cáo của dự án này chủ yếu là tiền bồi thường đất và chi phí xây dựng.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng phần còn lại của dự án này theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Đầu tư Big Gain.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(ii) *Dự án The EverRich 3*

Dự án này tọa lạc tại phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các lô đất nền của Khu nhà ở thấp tầng đã được hoàn thành và đã được bán ra thị trường.

Ngày 27 tháng 2 năm 2019, Công ty đã ký kết hợp đồng số E3-B1-B4/HĐCND-ĐIC và phụ lục ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc chuyển nhượng một phần Dự án Khu nhà ở phường Tân Phú, Quận 7 bao gồm quyền sử dụng đất của 2 lô đất B1 và B4.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng phần còn lại của dự án này theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Dynamic Innovation.

(iii) *Dự án Khu Đô Thị Du lịch Sinh Thái Nhơn Hội*

Dự án này gồm Phân Khu 2, Phân Khu 4, Phân Khu 9 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội tại Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát, xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí lãi vay vốn hóa tài trợ cho việc đầu tư, phát triển dự án.

(iv) *Dự án Phát Đạt Bàu Cả*

Dự án này là dự án Khu dân cư Phát Đạt Bàu Cả tọa lạc tại phường Lê Hồng Phong và phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí lãi vay vốn hóa tài trợ cho việc đầu tư, phát triển dự án. Dự án đang trong giai đoạn bàn giao nền đất và sang tên chủ quyền cho khách hàng.

(v) *Dự án Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng*

Dự án này tọa lạc tại số 8, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – chuyển giao. UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt theo Quyết định 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 v/v lựa chọn nhà đầu tư là liên doanh Tổng Công ty cổ phần Đền bù giải tỏa – Công ty CP PT BĐS Phát Đạt.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí bồi thường, chi phí tư vấn, khảo sát, quản lý và bảo lãnh thực hiện dự án.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	2.507.739.974	2.535.665.201
Chi phí quảng cáo	509.600.003	215.387.595
Khác	1.998.139.971	2.320.277.606
Dài hạn	992.867.450.193	1.030.895.179.015
Chi phí bồi thường DA The EverRich 2 (River City) (*)	923.823.243.655	923.823.243.655
Chi phí hoa hồng, môi giới	54.026.109.342	100.000.000.000
Chi phí quảng cáo	3.634.719.761	2.910.441.003
Chi phí cải tạo văn phòng	7.492.555.344	-
Khác	3.890.822.091	4.161.494.357
TỔNG CỘNG	995.375.190.167	1.033.430.844.216

(*) Đây là chi phí bồi thường cho CRE & AGI và Phú Hưng theo Biên bản Thanh lý ngày 8 tháng 2 năm 2018 để hoàn thiện một phần điều kiện pháp lý trước khi chuyển nhượng dự án theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Đầu Tư Big Gain.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	4.242.654.542	23.468.244.085	27.710.898.627
Mua trong kỳ	1.126.406.000	-	1.126.406.000
Phân loại lại	(903.066.700)	-	(903.066.700)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>4.465.993.842</u>	<u>23.468.244.085</u>	<u>27.934.237.927</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	3.193.810.087	3.066.637.720	6.260.447.807
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(3.303.038.503)	(7.879.741.473)	(11.182.779.976)
Hao mòn trong kỳ	(224.803.490)	(1.736.130.222)	(1.960.933.712)
Phân loại lại	301.022.232	-	301.022.232
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(3.226.819.761)</u>	<u>(9.615.871.695)</u>	<u>(12.842.691.456)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>939.616.039</u>	<u>15.588.502.612</u>	<u>16.528.118.651</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>1.239.174.081</u>	<u>13.852.372.390</u>	<u>15.091.546.471</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	
	<i>Tổng cộng</i>	
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019		3.171.378.036
Tăng trong năm		-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020		<u>3.171.378.036</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019		(2.126.391.146)
Hao mòn trong kỳ		(408.816.168)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020		<u>(2.535.207.314)</u>
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019		<u>1.044.986.890</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020		<u>636.170.722</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.306.972.991	68.357.297.281	75.664.270.272
Mua trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>7.306.972.991</u>	<u>68.357.297.281</u>	<u>75.664.270.272</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(4.736.367.040)	(4.736.367.040)
Hao mòn trong kỳ	-	(768.059.520)	(768.059.520)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>-</u>	<u>(5.504.426.560)</u>	<u>(5.504.426.560)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>7.306.972.991</u>	<u>63.620.930.241</u>	<u>70.927.903.232</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>7.306.972.991</u>	<u>62.852.870.721</u>	<u>70.159.843.712</u>

Quyền sử dụng đất với giá trị 7.306.972.991 VND tương ứng với quyền sở hữu tầng hầm B1 & B2 tại dự án The EverRich, số 968 Đường 3/2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình khai thác thực tế, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí đền bù giải toả các dự án	464.270.170.519	57.200.481.838
Dự án Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Năm sao Phú Quốc	49.313.541.734	49.223.541.734
Dự án Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Dự án Tòa nhà văn phòng Công ty 39 Phạm Ngọc Thạch	7.976.940.104	7.976.940.104
Khác	<u>7.831.092.888</u>	<u>5.926.408.343</u>
TỔNG CỘNG	<u>472.101.263.407</u>	<u>63.126.890.181</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	%	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)
Công ty CP ĐK Phú Quốc (i)	99	393.624.000.000	99	393.624.000.000
Công ty TNHH Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật Coinin (ii)	80	246.000.000.000	80	246.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn – KL (iii)	99	630.667.840.000	99	630.667.840.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sân Ngõ Mây (iv)	94	131.600.000.000	94	127.012.460.600
Công ty TNHH MTV ĐT Phát Đạt (v)	100	-	100	-
TỔNG CỘNG		<u>1.401.891.840.000</u>		<u>1.397.304.300.600</u>

(i) Công ty Cổ Phần ĐK Phú Quốc (“ĐK Phú Quốc”)

ĐK Phú Quốc được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1701522101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 4 năm 2011 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. ĐK Phú Quốc có trụ sở chính đăng ký tại Tổ 17, Lô C, khu tái định cư, khu phố 5, Thị Trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động chính của ĐK Phú Quốc là Xây dựng nhà các loại, xây dựng chuyên dụng, xây dựng công trình công ích, kinh doanh và môi giới bất động sản. Theo GCNĐKKD số 1701522101 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của ĐK Phú Quốc là 710.000.000.000 VND.

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2018, Công ty Phát Đạt nhận chuyển nhượng cổ phần để sở hữu 99% vốn của ĐK Phú Quốc nhằm mục đích thực hiện Dự án Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Cụm công nghiệp Hàm Ninh và Dự án Khu làng nghề - Trung tâm xã Hàm Ninh tại xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(ii) Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Hạ Tầng Kỹ Thuật Coinin (“Coinin”)

Coinin được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313662185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 02 năm 2016 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Coinin có trụ sở chính đăng ký tại 271/16 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình. Theo GCNĐKKD số 0313662185 thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Coinin là 270.000.000.000 VND.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2018, Công ty Phát Đạt nhận chuyển nhượng cổ phần để sở hữu 80% vốn của Coinin nhằm mục đích thực hiện Dự án Xây Dựng Hạ Tầng Kỹ Thuật Nội bộ Khu I - trong khu công viên lịch sử văn hóa dân tộc tại P.Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

(iii) Công ty Cổ Phần Địa ốc Sài Gòn – KL (“Sài Gòn - KL”)

Sài Gòn – KL được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 13700902915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2008 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Sài Gòn – KL có trụ sở chính đăng ký tại Thửa đất số 1186 – 1187, tờ bản đồ số 6-2 (D2), Khu phố Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Sài Gòn – KL là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

(iv) Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Ngô Mây (“BDS Ngô Mây”)

BDS Ngô Mây được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101553978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2019. BDS Ngô Mây có trụ sở chính đăng ký tại Số 1 Ngô Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của BDS Ngô Mây là Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 94% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này

(v) Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát Đạt (“Đầu tư Phát Đạt”)

Đầu tư Phát Đạt là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313241765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015 và các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. Đầu tư Phát Đạt có trụ sở chính đăng ký tại số 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Theo Giấy Chứng Nhận ĐKKD số 0313241765 thay đổi lần hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ của Đầu tư Phát Đạt là 800.000.000.000 VND.

Năm 2015, Công ty Phát Đạt thành lập Công ty con có vốn góp 100% từ Công ty Phát Đạt để chuyển dự án The EverRich 2 cho Công ty này tiếp tục đầu tư phát triển, nhưng đến cuối năm 2015 Công ty hợp tác với CRE & AGI để cùng phát triển dự án The EverRich 2, vì vậy Công ty con không có hoạt động kinh doanh nào khác nên đã chuyển lại cho Phát Đạt số tiền vốn đã góp để thực hiện đầu tư các dự án khác nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Công ty Phát Đạt.

Ngày 19/11/2019 Công ty đã nhận được thông báo số 11718/TB-CCT về việc ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	%	Số tiền(VND)	%	Số tiền (VND)
Công ty TNHH ĐT Xây Dựng Công trình PĐP (“PĐP”) (*)	49,00	4.337.000.000	49,00	2.692.000.000
TỔNG CỘNG		4.337.000.000		2.692.000.000

(*) Công trình PĐP là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315143682 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2018. Công trình PĐP có trụ sở chính đăng ký tại Số 422, Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công trình PĐP là kinh doanh bất động sản. Dự án chính hiện tại của Công trình PĐP là dự án Xây dựng Công trình Phan Đình Phùng tại số 8 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã góp 4.337.000.000 VND trên phần vốn điều lệ của Công ty theo GCNĐKKD là 147.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty CP Đầu Tư Phú Mỹ Hưng	165.122.193.621	165.122.193.621
Công ty TNHH Xây Dựng Đồng Khánh	13.636.067.669	13.636.067.669
Công Ty CP Công Trình Giao Thông Sài Gòn	20.481.104.868	61.281.747.788
Công Ty CP DV Thương Mại Và Đầu Tư IDV	11.156.242.082	6.828.799.823
Công ty Cổ phần Xây dựng (Cotec)	5.837.593.182	5.837.593.182
Khác	4.142.727.406	6.830.005.188
TỔNG CỘNG	<u>220.375.928.828</u>	<u>259.536.407.271</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện số tiền Công ty nhận ứng trước từ các khách hàng theo các hợp đồng mua bán đất nền của Dự án Phát Đạt Bàu Cỏ, Dự án Khu Đô Thị Sinh Thái - Khu Kinh Tế Nhơn Hội, hợp đồng thi công xây dựng công trình trên đất tại Dự án The EverRich 3, hợp đồng mua chỗ để xe tại Dự án The EverRich Infinity.

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Khách hàng Dự án	1.566.153.128.141	651.149.337.644
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	-
TỔNG CỘNG	<u>1.566.153.128.141</u>	<u>651.149.337.644</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải nộp	293.150.588.478	178.395.781.258
Thuế TNDN	169.482.566.413	143.797.822.567
Thuế giá trị gia tăng	118.041.522.274	33.134.492.623
Thuế thu nhập cá nhân	1.322.304.370	1.463.466.068
Thuế khác	4.304.195.421	-
Phải thu	273.064.416	2.642.764.611
Thuế TNDN	273.064.416	2.642.764.611
Thuế giá trị gia tăng	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>292.877.524.062</u>	<u>175.753.016.647</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	77.357.700.537	145.704.680.565
Chi phí xây dựng	50.690.274.264	58.475.289.099
Chi phí lãi vay	25.874.961.858	78.594.435.111
Khác	792.464.415	8.634.956.355
Dài hạn	-	-
TỔNG CỘNG	<u>77.357.700.537</u>	<u>145.704.680.565</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	140.307.982.817	95.164.794.124
Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Khu đô thị DL sinh thái Nhơn Hội (i)	108.236.786.290	73.000.000.000
Ký quỹ nhận được từ khách hàng	3.446.500.000	3.373.396.000
Quỹ bảo trì	8.475.798.636	2.412.773.984
Khác	20.148.897.891	16.378.624.140
Dài hạn	5.547.433.656.616	5.549.400.552.616
Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án The EverRich 2 ("HĐHTĐT") (ii)	4.557.365.656.616	4.557.365.656.616
Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án The EverRich 3 ("HĐHTĐT") (iii)	990.068.000.000	990.068.000.000
Khác	-	1.966.896.000
TỔNG CỘNG	<u>5.687.741.639.433</u>	<u>5.644.565.346.740</u>

- (i) Công ty đã ký Thỏa thuận góp vốn với các cá nhân về việc góp vốn đầu tư để thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị tại các Phân khu số 2,4,9 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội.
- (ii) Vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký kết HĐHTĐT với Công ty TNHH Đầu Tư BIG GAIN liên quan đến việc phát triển Dự án The EverRich 2 tọa lạc tại số 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký kết HĐHTĐT với Công ty TNHH DYNAMIC INNOVATION liên quan đến việc phát triển Dự án The EverRich 3 tọa lạc tại phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. VAY VÀ NỢ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vay ngắn hạn	1.717.898.375.402	1.201.598.912.000
Vay từ ngân hàng (i)	246.017.850.000	99.652.850.000
Trái phiếu phát hành (ii)	947.743.025.402	1.101.946.062.000
Vay bên khác (iii)	524.137.500.000	-
Vay dài hạn	495.068.306.002	970.300.594.738
Vay từ ngân hàng (i)	252.000.000.000	15.427.583.738
Trái phiếu phát hành (ii)	243.068.306.002	432.198.011.000
Vay bên khác (iii)	-	522.675.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.212.966.681.404</u>	<u>2.171.899.506.738</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

(i) Vay từ ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi				
Khoản vay 1	<u>10.365.000.000</u>	Ngày 4 tháng 1 năm 2021	Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau + chi phí huy động vốn tăng thêm + 4,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Bàu Cả - Quảng Ngãi
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè				
Khoản vay 1	<u>99.652.850.000</u>	Ngày 26 tháng 1 năm 2021	Lãi suất 11%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Phân Khu số 4 - Dự án Nhơn Hội - Bình Định
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 11 TP.HCM				
Khoản vay 1	<u>280.000.000.000</u>	Ngày 25 tháng 4 năm 2030	Lãi suất 10.8%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 39 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM
Khoản vay 2	<u>108.000.000.000</u>	Ngày 25 tháng 5 năm 2021	Lãi suất 11%/năm	Quyền sử dụng đất tại Số 1 Ngô Mây, P.Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

(ii) Trái phiếu phát hành

Trong kỳ Công ty đã phát hành trái phiếu theo phương thức riêng lẻ nhằm huy động vốn tài trợ cho các dự án đang thực hiện. Cụ thể như sau:

Phát hành Lần 1 năm 2019

Phát hành 2.000 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ ngày phát hành, lãi suất 14,45%/năm.

Hình thức bảo đảm tại thời điểm phát hành là 18.000.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Công là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ trái phiếu phát hành với mệnh giá mua lại 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu.

Phát hành Lần 2 năm 2019

Phát hành 99 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 1.000.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ ngày phát hành, lãi suất 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

(ii) Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Phát hành Lần 2 năm 2019 (tiếp theo)

Hình thức bảo đảm tại thời điểm phát hành là 8.200.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Công là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Vào ngày 04 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ trái phiếu phát hành với mệnh giá mua lại 1.000.000.000 VNĐ/Trái phiếu.

Phát hành Lần 3 năm 2019

Phát hành 5.500 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn năm (05) năm kể từ ngày phát hành, lãi suất dự kiến 10,5%/năm trong năm đầu tiên. Dự kiến lãi suất các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Quân Đội cộng với biên độ tối thiểu 3,5%/năm, điều chỉnh theo kỳ tính lãi trái phiếu.

Hình thức bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ quyền tài sản thuộc phân khu số 2, dự án Nhơn Hội – Bình Định; Quyền sử dụng đất tại Tân Mỹ, Phường Cẩm An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam. Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sài Gòn là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 2 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Vào ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty thực hiện việc mua lại trước hạn 500 trái phiếu với mệnh giá mua lại 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu.

Phát hành Lần 4 năm 2019

Phát hành 1.500 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm, lãi suất 14%/năm.

Hình thức bảo đảm tại thời điểm phát hành là 13.000.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 2 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ trái phiếu phát hành với mệnh giá mua lại 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu.

Phát hành Lần 5 năm 2019

Phát hành 700 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 13,5%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

(ii) Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Phát hành Lần 5 năm 2019 (tiếp theo)

Hình thức bảo đảm tại thời điểm phát hành là 5.500.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 2 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Phát hành Lần 6 năm 2019

Phát hành 2.250.000 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 9,5%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm bằng Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Bến Thành (OCB). Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 9 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Phát hành Lần 7 năm 2019

Phát hành 800 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 13%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm là 6.470.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 9 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Phát hành Lần 8 năm 2019

Phát hành 1.750.000 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 9,5%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm bằng Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Bến Thành (OCB). Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 9 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Phát hành Lần 9 năm 2019

Phát hành 1.100 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 13%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

21. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

(ii) Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Phát hành Lần 9 năm 2019 (tiếp theo)

Hình thức bảo đảm là 8.500.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Công là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 2 và Phân Khu số 9 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

Vào ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty thực hiện việc mua lại trước hạn 550 trái phiếu với mệnh giá mua lại 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu.

Phát hành Lần 1 năm 2020

Phát hành 1.000 Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và không kèm chứng quyền, mệnh giá 100.000.000 VNĐ/Trái phiếu, kỳ hạn một (01) năm kể từ Ngày phát hành, lãi suất 13%/năm, trả lãi mỗi 3 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm là 9.150.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi Cổ đông Công ty. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thành Công là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành.

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 2, Phân khu số 4 và Phân Khu số 9 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

(iii) Vay tổ chức tín dụng khác

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty đã ký Hợp đồng vay từ Quỹ đầu tư VietNam New Urban Center LP. Công ty được cấp khoản tín dụng là 22.500.000 USD, với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 15%/năm.

Nguồn vốn thu được từ khoản vay được sử dụng để tài trợ vốn tại Phân Khu số 4 - Dự án Nhơn Hội – Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2019	2.663.890.070.000	11.680.300.000	124.713.584.076	647.054.845.277	3.447.338.799.353
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	872.606.119.833	872.606.119.833
Trích lập quỹ	-	-	12.800.000.000	(25.600.000.000)	(12.800.000.000)
Cổ tức cổ đông	612.689.650.000	-	-	(612.689.650.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(10.411.086.219)	(10.411.086.219)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.276.579.720.000	11.680.300.000	137.513.584.076	870.960.228.891	4.296.733.832.967
Ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2020	3.276.579.720.000	11.680.300.000	137.513.584.076	870.960.228.891	4.296.733.832.967
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	279.223.915.354	279.223.915.354
Trích lập quỹ	-	-	17.500.000.000	(35.000.000.000)	(17.500.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	425.949.150.000	-	-	(425.949.150.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	(393.189.566.400)	(393.189.566.400)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.530.000.000)	(2.530.000.000)
Phân loại lại	-	-	-	859.086.219	859.086.219
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	3.702.528.870.000	11.680.300.000	155.013.584.076	294.374.514.064	4.163.597.268.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu phổ thông

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	370.252.887	327.657.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	370.252.887	327.657.972
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Doanh thu bán đất nền	540.473.219.591	257.276.829.393
Doanh thu cung cấp hàng hoá BĐS	9.960.000.000	-
Doanh thu chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	-	900.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.939.009.764	5.167.514.927
TỔNG CỘNG	552.372.229.355	263.344.344.320

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Giá vốn bán đất nền	336.730.742.880	98.755.351.543
Giá vốn cung cấp hàng hoá BĐS	1.646.002.698	-
Giá vốn chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	-	433.564.726
Giá vốn cung cấp dịch vụ	736.197.025	3.519.743.406
TỔNG CỘNG	339.112.942.603	102.708.659.675

25. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Doanh thu tài chính	795.367.814	2.347.215.626
Lãi tiền gửi	795.367.814	2.347.215.626
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	-	-
Chi phí tài chính	6.691.519.754	-

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Chi phí bán hàng	26.210.960.292	24.245.043.193
Chi phí lương	1.123.619.753	1.037.555.698
Chi phí môi giới	22.946.841.409	14.560.317.501
Chi phí Marketing, Quảng bá thương hiệu	1.938.678.749	7.635.703.236
Chi phí bán hàng & tổ chức sự kiện	196.309.200	317.257.917
Chi phí khác	5.511.181	694.208.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.690.671.287	21.760.160.248
Chi phí lương	15.076.275.914	12.593.521.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.094.526.508	4.762.983.924
Chi phí khác	4.519.868.865	4.403.655.057
TỔNG CỘNG	54.901.631.579	46.005.203.441

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý II năm 2020	VND Quý II năm 2019
Thu nhập khác	100.265	492.596.149
Thu từ hợp tác đầu tư	-	-
Thu nhập khác	100.265	492.596.149
Chi phí khác	644.208.892	611.897.276
Chi phí khác	644.208.892	611.897.276

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Quý II năm 2020	VND Quý II năm 2019
Lợi nhuận kế toán trước thuế	151.817.394.606	116.858.395.703
Lỗ từ hoạt động kinh doanh bất động sản kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính sau chuyển lỗ	151.817.394.606	116.858.395.703
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	30.860.994.515	28.615.416.780
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	180.996.642.248	65.130.904.485
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	30.860.994.515	37.883.827.080
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(42.648.134.766)	(65.130.904.485)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	169.209.501.997	37.883.827.080
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	169.482.566.413	37.883.827.080
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	(273.064.416)	-

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các dự án tạo ra doanh thu của Công ty tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty và cá nhân có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty và cá nhân mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý II năm 2020</i>
Công ty Cổ Phần ĐK Phú Quốc	Công ty con	Góp vốn	10.000.000
		Lãi đầu tư	530.722.974
		Thu tiền lãi	1.842.393.863
		Dịch vụ khác	15.167.418
Công ty TNHH Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật COININ	Công ty con	Góp vốn đầu tư	15.607.000.000
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	Dịch vụ khác	50.583.869
Công ty TNHH Đầu tư XD công trình PĐP	Công ty liên kết	Góp vốn	530.000.000
Công ty CP địa ốc Sài Gòn – KL	Công ty con	Tạm ứng để tăng vốn	375.575.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Ngô Máy	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	4.387.539.400
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý BDSC	Bên liên quan	Phí dịch vụ tư vấn	576.000.000
		Phí dịch vụ tư vấn đã thanh toán	633.600.000
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Dịch vụ khác	44.609.091
		Thu tiền phí dịch vụ	87.045.000
		Mượn tiền	2.000.000.000
		Hoàn trả tiền mượn	2.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	562.929.288.297
		Thu hồi tạm ứng	562.929.288.297
		Mượn tiền	90.684.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc quý, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

VND			
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý II năm 2020</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	45.000.000.000
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	18.288.000.000
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	Dịch vụ quản lý đầu tư xây dựng	600.000.000
Công ty Cổ Phần ĐK Phú Quốc	Công ty con	Dịch vụ quản lý dự án	660.925.501
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Dịch vụ khác	33.845.000
Bà Đoàn Thị Tráng	Bên liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	15.000.000.000
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng bất động sản	10.306.377.900
Bà Trần Thị Hương	Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng bất động sản	10.276.238.400
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>			
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần	100.000.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Lãi được chia từ BCC	50.000.000.000
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	BCC	10.000.000.000
Bà Đoàn Thị Tráng	Bên liên quan	Phải thu chi phí xây dựng	15.219.558.717
<i>Phải thu dài hạn khác</i>			
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Bên liên quan	BCC	126.400.000.000
Công ty CP TM Vận Tải Biển Trường Phát Lộc	Bên liên quan	Lãi được chia từ BCC	25.000.000.000
Công ty TNHH ĐT XD hạ tầng kỹ thuật COININ	Công ty con	Góp vốn đầu tư	36.880.748.812
Công ty CP ĐT TM DV AKYN	Bên liên quan	BCC	90.939.751.900
Công ty Cổ Phần ĐK Phú Quốc	Công ty con	BCC	39.453.900.000
Công ty CP địa ốc Sài Gòn – KL	Công ty con	Tạm ứng để tăng vốn	894.765.000.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	90.684.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II - 2020 (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)



Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:		
		VND
	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	1.377.750.000	6.438.000.000
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	<u>5.329.378.539</u>	<u>2.490.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.707.128.539</u>	<u>8.928.000.000</u>

31. CÁC CAM KẾT ĐẦU TƯ

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi tiết các khoản cam kết đầu tư của Công ty như sau:
Theo các hợp đồng xây dựng đã ký kết, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 857.731.380.240 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 742.528.101.725 VND) chủ yếu liên quan đến quyền sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng cho các công trình xây dựng dở dang.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

		
Võ Thị Minh Hằng Người lập	Vũ Quỳnh Hoa Kế toán trưởng	Bùi Quang Anh Vũ Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 7 năm 2020

THE
EVER RICH

422 Dao Tri Street, Quarter 1, Phu Thuan Ward, District 7, HCMC
Tel: 84 8 3773 2222 - Fax: 84 8 3773 8908
Email: info@phatdat.com.vn
www.phatdat.com.vn